

Số: 1628/2024/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1544/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1958

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Trần Thúy H, sinh năm 1967

Địa chỉ: quận Bình Thạnh, TPHCM

Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn C và bà Trần Thúy H. Giấy chứng nhận kết hôn số 051, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2005 không còn hiệu lực.

2/ - Về con chung: Có hai con chung tên Trần Ngọc Châu T, sinh năm 1988 và Trần Ngọc Châu T, sinh năm 1989. Cả hai đều đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Trần Văn C sinh năm 1958 thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Lê Tứ Nhị**